

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 279/2019/DS-PT
Ngày: 23 – 10 – 2019
V/v bồi thường thiệt hại
do công trình xây dựng gây ra.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Trung

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLPT- DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về “Bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 116/2019/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1969;
Nơi cư trú: thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông P, sinh năm 1969;
Nơi cư trú: thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: A, sinh năm 1992; Nơi cư trú: huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/02/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà U;

Bà N;

Cùng nơi cư trú: thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà Th, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Ng, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: hành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: A là người đại diện theo ủy quyền của ông P là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T, A có mặt; Bà U, bà N, bà Th, bà Ng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của bà T: Năm 2014, ông P tiến hành xây dựng nhà ở làm cho nhà bà cặp vách nhà ông P bị sụp nền, nứt mặt gió (mặt phía trước), khung sườn nhà sụp, dột. Nhà bị hư hỏng bà gặp ông P yêu cầu sửa chữa, vợ ông P hứa hẹn khi làm nhà xong sẽ sửa nhưng không thực hiện. Năm 2015, bà khởi kiện ông P nhưng do bà phải đi chấp hành án tù nên rút Đơn kiện. Bà yêu cầu ông P người có liên quan bồi thường thiệt hại cho bà tiền sửa chữa nhà theo kết quả giám định số tiền 35.247.000đ và hoàn trả tiền chi phí giám định là 10.117.000đ.

Lời trình bày của ông P: Năm 2014, gia đình ông xây dựng nhà ở, nhà xây dựng liền kề nhà bà T, có làm ảnh hưởng nhà bà T, tuy nhiên mức độ thiệt hại không lớn. Nay ông chỉ đồng ý hỗ trợ 10.000.000đ để bà T sửa chữa lại nhà.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 116/2019/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ Điều 174, 584, 585, 589, 605 Bộ luật dân sự; Điều 147, 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông P, bà U, bà N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà T số tiền 21.148.200 đồng.

Buộc ông P, bà U, bà N liên đới hoàn trả tiền chi phí kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho bà T số tiền là 6.070.200 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà T khởi kiện ông P số tiền chênh lệch là 14.098.800 đồng.

- Án phí dân sự có giá ngạch ông P, bà U, bà N phải chịu là 1.057.410 đồng; bà T phải chịu là 704.940 đồng.

Ngày 26/8/2019, A nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 22/8/2019) yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 116/2019/DS-ST ngày 12/8/2019, với lý do:

Nhà và tài sản gắn liền là của bà U, Tòa án lại không làm việc với bà U mà buộc bà U bồi thường là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà U.

Nhà của bà U nhưng nguyên đơn lại khởi kiện ông P. Bản án xác định ông P là bị đơn, bà U và bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bản án buộc ông P, bà U, bà N có trách nhiệm liên đới bồi thường là xác định sai tư cách đương sự.

Không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân gây ra hư hại nhà nguyên đơn là do việc xây dựng nhà của bà U nhưng bản án lại buộc bị đơn bồi thường là hoàn toàn không hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, căn cứ khoản 1 Điều 308 – Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông P là bị đơn trong vụ án; Đơn kháng cáo của A là người đại diện theo ủy quyền của ông P trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo về việc buộc bà U có trách nhiệm vụ liên đới bồi thường. Người kháng cáo cho rằng: Nhà và tài sản gắn liền là của bà U, Tòa án lại không làm việc với bà U mà buộc bà U bồi thường là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà U.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà U không hợp tác. Tại lời khai ngày 09/7/2019 của bà N trình bày: Bà U bị tai biến trí nhớ không còn minh mẫn, nhưng gia đình bà U lại không hợp tác để xác định thông tin về bà U (BL.154).

Mặt khác, A là người đại diện theo ủy quyền của ông P mà không phải là người đại diện theo ủy quyền của bà U. Do đó, A không có quyền kháng cáo bản án đối với phần quyết định về quyền, nghĩa vụ của bà U trong bản án. Do đó, phần kháng cáo này cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo về tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án.

Người kháng cáo cho rằng: Nhà của bà U nhưng nguyên đơn lại khởi kiện ông P. Bản án xác định ông P là bị đơn, bà U và bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bản án buộc ông P, bà U, bà N có trách nhiệm liên đới bồi thường là xác định sai tư cách đương sự. Người kháng cáo cho rằng, bà U là bị đơn, ông P và bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản 3 Điều 63 – Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện. Khoản 4 Điều 63 – Luật Tố tụng dân sự quy định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ...

Mặc dù người kháng cáo cho rằng, ngôi nhà và đất (tài sản) là của bà U nhưng tại phiên hòa giải ngày 15/02/2019 ông P thừa nhận, ngôi nhà do ông P xây dựng (BL.42). Từ việc ông P tiến hành xây dựng nhà đã làm ảnh hưởng và gây hư hỏng thiệt hại cho nhà của bà T. Ngôi nhà ông P xây dựng được ông P, bà U, bà N

cùng sử dụng. Như vậy, án sơ thẩm xác định ông P là bị đơn; bà U, bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là xác định đúng tư cách tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo đối với việc buộc bồi thường.

Người kháng cáo cho rằng: Không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân gây ra hư hại nhà nguyên đơn là do việc bị đơn xây dựng nhà; chưa làm rõ nhà bà T bị hư hỏng trong thời gian nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngay sau khi bị đơn tiến hành xây dựng nhà cho gia đình tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau thì nhà nguyên đơn bị sụp nền, nứt vách tường, dột... Vấn đề này bị đơn thừa nhận. Việc thừa nhận của bị đơn được thể hiện tại bản tự khai ngày 15/02/2019 (BL: 40) và lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/02/2019 (BL: 42, 43). Bị đơn thừa nhận việc bị đơn xây cất nhà có làm hư hỏng nhà nguyên đơn và đồng ý cho thợ sửa chữa chỗ hư hỏng.

Khoản 2 Điều 92 – Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Đồng thời việc nhà nguyên đơn hư hỏng tại thời điểm khi bị đơn tiến hành xây dựng nhà. Do đó, việc hư hỏng nhà của nguyên đơn có nguyên nhân từ việc bị đơn xây nhà ở. Do đó, người kháng cáo cho rằng, việc hư hỏng nhà nguyên đơn và việc bị đơn xây dựng nhà không liên quan và không có mối quan hệ nhân quả và chưa làm rõ thời điểm nhà nguyên đơn hư hỏng trong thời gian nào là không có cơ sở chấp nhận.

Nhà của nguyên đơn xây dựng trước, nhà cấp 4 loại vách thiết, nền gạch, máy tô, phía trước xây tường. Nhà bị đơn xây dựng sau, loại nhà tường, có một gác lửng, xây dựng không giấy phép. Điều 8 Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định: Trước khi thi công xây dựng, chủ nhà chủ động liên hệ với các chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề để kiểm tra hiện trạng và ghi nhận các khuyết tật của công trình liền kề (nếu có). Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng nhà ở gây ra chủ nhà phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề kiểm tra xác định nguyên nhân. Thế nhưng bị đơn không thực hiện đúng quy định, do đó, án sơ thẩm xác định thiệt hại xảy ra là có lỗi của bị đơn và buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường là có căn cứ.

Tại phiên tòa, người kháng cáo cho rằng, hư hỏng vào năm 2014 nhưng kết quả kiểm định chất lượng công trình vào năm 2019 và buộc bồi thường theo kết quả thiệt hại và giá bồi thường tại thời điểm 2019 là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nhà nguyên đơn bị thiệt hại xảy ra vào năm 2014, nhưng do bị đơn không khắc phục sửa chữa kịp thời và để nguyên hiện trạng cho đến năm 2019. Cho nên việc kiểm định, xác định mức độ hư hỏng hiện tại và giá tiền để sửa chữa, khắc phục tại thời điểm năm 2019 là đúng.

Còn việc nghĩa vụ bồi thường đối với giá trị thiệt hại, án sơ thẩm buộc bị đơn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại 60% của giá trị thiệt hại, nguyên đơn phải chịu 40% của giá trị thiệt hại là đã xem xét tất cả yếu tố lỗi của nguyên đơn, lỗi bị đơn và các vấn đề người kháng cáo đã đặt ra. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do nội dung yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 và 4 Điều 63; khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 174, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589, 605 – Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 8 - Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ xây dựng; khoản 1 và khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của A là người đại diện theo ủy quyền của ông P; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 116/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T;

Buộc ông P, bà U, bà N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà T số tiền **21.148.000** đồng.

Buộc ông P, bà U, bà N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tiền chi phí kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho bà T số tiền là **6.070.000** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận khởi kiện của bà T đối với ông P yêu cầu số tiền chênh lệch là **14.098.000** đồng.

- Án phí dân sự:

+ Án phí dân sự có giá ngạch ông P, bà U, bà N cùng phải chịu 1.057.000 đồng.

+ Án phí dân sự có giá ngạch bà T phải chịu 704.940 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 969.500 đồng theo biên lai số 0001926 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 264.560 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm ông P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000663 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miễn